**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2016*

**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN**

**KHẢO SÁT THU NHẬP SỐ LIỆU**

*Số: …/2016 /HĐ-TV*

**Gói thầu 01: Tư vấn khảo sát**

**Dự án: Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin quản trị   
Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới)**

Giữa

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM AN GIANG**

Và

**TRUNG TÂM TIN HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

**MỤC LỤC**

[PHẦN 1 CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG 1](#_Toc481583648)

[PHẦN 2 CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG 2](#_Toc481583649)

[Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải 2](#_Toc481583650)

[Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên 3](#_Toc481583651)

[Điều 3. Trao đổi thông tin 4](#_Toc481583652)

[Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng 4](#_Toc481583653)

[Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc 4](#_Toc481583654)

[Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm 4](#_Toc481583655)

[Điều 7. Nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng 4](#_Toc481583656)

[Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng 5](#_Toc481583657)

[Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán 5](#_Toc481583658)

[Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng 6](#_Toc481583659)

[Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu 6](#_Toc481583660)

[Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư 8](#_Toc481583661)

[Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu 9](#_Toc481583662)

[Điều 14. Bản quyền 10](#_Toc481583663)

[Điều 15. Bảo hiểm 10](#_Toc481583664)

[Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng 10](#_Toc481583665)

[Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng 10](#_Toc481583666)

[Điều 18. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng 11](#_Toc481583667)

[Điều 19. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp 12](#_Toc481583668)

[Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng 12](#_Toc481583669)

[Điều 21. Điều khoản chung 13](#_Toc481583670)

# PHẦN 1 CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ Về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ TTTT Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ƯDCNTT sử dụng nguồn vốn NSNN nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/2/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Qui định về lập và quản lý chi phí đầu tư ƯCNTT;

Quyết định số 993/QĐ-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công nghệ thông tin quản trị Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới).

Quyết định số 356/QĐ-ĐKAG ngày 02/8/2016 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang về việc chỉ định thầu tư vấn khảo sát dự án Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin quản trị Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới);

Biên bản thương thảo hợp đồng Tư vấn khảo sát dự án Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin quản trị Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới) ngày 03/8/2016 giữa Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang và Trung tâm tin học Trường Đại học An Giang.

# PHẦN 2 CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 04 tháng 8 năm 2016 tại Văn phòng Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

**I. Đại diện Chủ đầu tư** *(gọi tắt là Bên A)*

Tên giao dịch: **Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang**

Người đại diện: Bà **Nguyễn Thị Hạnh** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 60 Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài khoản: 9552.2.7614243; tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang.

Điện thoại: (076).3852989 – 3852862; Fax: (076) 3854283

Và bên kia là:

**II. Đại diện Nhà thầu** *(gọi tắt là Bên B)*

Tên giao dịch: **Trung tâm Tin học Trường Đại học An Giang**

Người đại diện: Ông **Lê Quốc Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 18 Ung Văn Khiêm, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài khoản: 0151000542928, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang

Mã số thuế: 1600631954-003

Điện thoại: 0766 253 599

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

## Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. Chủ đầu tư là Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang.

1.2. Nhà thầu là Trung tâm tin học Trường Đại học An Giang.

1.3. Dự án là dự án Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin quản trị Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới).

1.4. Gói thầu là (Gói thầu 01) Tư vấn khảo sát.

1.5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

1.6. Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.

1.7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.

1.8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định chỉ định thầu;

b) Điều kiện riêng, các điều khoản tham chiếu;

c) Biên bản thương thảo hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;

d) Các phụ lục của hợp đồng;

đ) Các tài liệu khác có liên quan.

## Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, ... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

## Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

## Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

Nhà thầu lập nhiệm vụ khảo sát và tổ chức thực hiện công tác khảo sát theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP.

Nhà thầu cung cấp Báo cáo kết quả khảo sát theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP.

## Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

6.1. Sản phẩm của hợp đồng là bộ hồ sơ kết quả thực hiện nội dung và khối lượng công việc được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

6.2. Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý chất lượng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

6.3. Số lượng sản phẩm của Hợp đồng: 06 bộ Báo cáo kết quả khảo sát.

## Điều 7. Nghiệm thu Hợp đồng

Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên;

b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát;

c) Nhiệm vụ khảo sát được duyệt.

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho hợp đồng.

7.2. Thanh lý Hợp đồng: Hợp đồng được thanh lý trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hợp đồng.

## Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng được quy định là 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

8.2. Tiến độ chi tiết:

- Ngày bắt đầu là ngày : 05/8/2016

- Ngày kết thúc là ngày : 03/9/2016

8.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

## Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng:

Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá hợp đồng:

Giá hợp đồng được xác định với số tiền là: 66.908.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu, chín trăm lẻ tám ngàn đồng).

Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định.

Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng]

9.3 Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

9.4. Tạm ứng: Không tạm ứng.

9.5. Tiến độ thanh toán:

Thanh toán 01 lần sau khi có quyết định của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án.

Trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Nhà thầu.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 03.a).

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu nếu có (phụ lục số 04) nếu có.

9.6. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

## Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

b) Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 16 của Hợp đồng này.

## Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

11.1. Quyền của Nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư;

c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;

d) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);

e) Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc Nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.

g) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

h) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

i) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

k) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Chủ đầu tư nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Chủ đầu tư.

l) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

m) Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Chủ đầu tư khi chưa được Chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

n) Nhà thầu tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

o) Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với Nhà thầu phụ (nếu có) với đầy đủ Phụ lục công việc giao cho Nhà thầu phụ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc do Nhà thầu phụ thực hiện.

p) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

q) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.

r) Giám sát tác giả theo quy định (nếu có).

s) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này Nhà thầu không có ý kiến thì coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

## Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

12.1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn trước khi nghiệm thu sản phẩm Hợp đồng.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

12.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Nhà thầu để Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

b) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Nhà thầu liên quan đến công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn.

c) Thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các quy định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

d) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu trong khoảng thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này Chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu.

đ) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Nhà thầu.

## Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu

13.1. Nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ (nếu có) phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về năng lực và chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

13.2. Nhà thầu phải gửi danh sách nhân sự và thời gian dự kiến tham gia; các nhân sự phải đảm bảo như khoản 13.1 của Điều này cho Chủ đầu tư. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do; người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

13.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

13.4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

13.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán.

13.6. Nhà thầu thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

## Điều 14. Bản quyền

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.

## Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

## Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

16.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro và các phương án quản lý rủi ro của mình (nếu cần).

16.2. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 03 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

16.3. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

## Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

17.1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu; Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu và yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

17.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

## Điều 18. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

18.1. Thưởng hợp đồng:

Trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ mỗi 10 ngày Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu 0,01% giá hợp đồng và mức thưởng tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng làm lợi.

18.2. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Đối với Nhà thầu:

Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 0,05% giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

b) Đối với Chủ đầu tư:

Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố; lãi suất quá hạn được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

## Điều 19. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

19.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 10 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

19.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

## Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

20.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 04 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Nhà thầu.

20.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

## Điều 21. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 13 trang (không kể trang bìa và mục lục), được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 04 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**  **Giám đốc**  **Lê Quốc Cường** | **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  **Giám đốc**  **Nguyễn Thị Hạnh** |